

## BÁO CÁO

### Tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh 6 tháng đầu năm; phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân phường khóa I, Kỳ họp chuyên đề.

Thực hiện nội dung chương trình kỳ họp chuyên đề, Hội đồng nhân dân phường khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026; Ủy ban nhân dân phường báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh 6 tháng đầu năm; phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025, cụ thể như sau:

#### I. Bối cảnh thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025

Phường Kon Tum được thành lập theo Nghị quyết số 1677/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội<sup>(1)</sup> trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các phường Quang Trung, Quyết Thắng, Thắng Lợi, Trường Chinh và Thống Nhất thuộc thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum (cũ); phía Đông giáp với xã Đắk Rơ Wa, phía Tây giáp với phường Đắk Bla, phía Nam giáp với xã Đắk Rơ Wa, phía Bắc giáp với các xã Ngọc Bay, phường Đắk Cấm. Phường có tổng diện tích tự nhiên 19,14 km<sup>2</sup>, dân số 77.476 người (trong đó đồng bào dân tộc thiểu số 7.323 người, chiếm 9,45%), có 48 thôn, tổ dân phố (trong đó có 10 thôn đồng bào dân tộc thiểu số).

#### II. Kết quả đạt được

##### 1. Lĩnh vực kinh tế

##### 1.1. Sản xuất nông, thủy sản

Tổng diện tích gieo trồng vụ Đông Xuân 2024-2025 đạt khoảng 306 ha; đã chỉ đạo rà soát, tập trung đất đai, hình thành “cánh đồng lớn” và các vùng sản xuất tập trung phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao<sup>(2)</sup>. Triển khai công tác hướng dẫn, chuẩn bị các điều kiện cần thiết xuống giống các loại cây trồng vụ mùa với tổng diện tích khoảng 221 ha. Dịch bệnh trên cây trồng và vật nuôi được kiểm soát, chưa có sâu bệnh gây hại, ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng cây trồng, không phát sinh các dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên đàn vật nuôi. Chăn nuôi phát triển ổn định. Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) được duy trì thực hiện, đến nay đã xây dựng 32 sản phẩm OCOP.

(1) Về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi năm 2025.

(2) Đã hình thành cánh đồng rau tại tổ 4, thôn Kon Klor với diện tích 16,83 ha, trong đó có 04 ha rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGap.



## ***1.2. Sản xuất công nghiệp, đầu tư xây dựng, quản lý và quy hoạch đô thị***

Hoạt động sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phát triển khá, trên địa bàn có trên 260 cơ sở tiểu thủ công nghiệp vừa và nhỏ đang hoạt động<sup>(3)</sup> trên các lĩnh vực về sửa chữa cơ khí, xe ô tô, mô tô, sửa chữa trang thiết bị điện dân dụng, sản xuất mộc, dệt thổ cẩm, chế biến lương thực, thực phẩm,... Công tác kiểm tra hoạt động sản xuất, kinh doanh và phòng, chống cháy nổ tại các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp được tăng cường triển khai thực hiện.

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quy hoạch, xây dựng và phát triển đô thị, đặc biệt là cụ thể hóa và triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 06-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị “*về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*”. Đã hoàn thành việc lập và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt: Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung, các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị; Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Chương trình phát triển đô thị; Phương án chỉnh trị sông Đăk Bla;... làm cơ sở tổ chức quản lý đô thị, lập kế hoạch và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, nâng cao chất lượng đô thị, góp phần tạo động lực thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế của địa phương.

Đã chỉ đạo triển khai thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận và thống nhất trong Nhân dân về thực hiện chủ trương thu hồi đất, nhận tiền bồi thường hỗ trợ và thực hiện đóng góp kinh phí lát đá vỉa hè, chỉnh trang đô thị, đến nay đã hoàn thành các tuyến đường Trần Phú, Bà Triệu, Ngô Quyền, Phan Chu Trinh, Lê Hồng Phong và Nguyễn Huệ.

Công tác quản lý trật tự đô thị, trật tự xây dựng, vệ sinh môi trường và an toàn giao thông tiếp tục được tăng cường thực hiện; việc tiếp nhận, xử lý và trả kết quả hồ sơ cấp phép xây dựng, thẩm định dự án đầu tư, cấp biên số nhà, giấy phép cây xanh,... được thực hiện đúng quy trình, đảm bảo thời gian theo quy định.

Đã chỉ đạo tăng cường vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới gắn với triển khai các cuộc vận động “*Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm của đồng bào dân tộc thiểu số, làm cho đồng bào dân tộc thiểu số vươn lên thoát nghèo bền vững*”, “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*” và phong trào thi đua “*Chung sức xây dựng nông thôn mới*”. Đến nay trên địa bàn phường đã có 02<sup>(4)</sup>/10 thôn đồng bào

<sup>(3)</sup> Phường Quyết Thắng 247 cơ sở sửa chữa cơ khí, xe ô tô, mô tô, sửa chữa trang thiết bị điện dân dụng; phường Quang Trung 14 cơ sở chế biến gỗ, mộc dân dụng, đồ gỗ mỹ nghệ, say sạt, dệt thổ cẩm; phường Thống Nhất duy trì nghề tiểu thủ công nghiệp dệt thổ cẩm tập trung ở 02 thôn đồng bào dân tộc thiểu số;...

<sup>(4)</sup> Gồm: Thôn Plei Tongia và thôn Plei Đôn.



dân tộc thiểu số đạt chuẩn Bộ tiêu chí về thôn (làng) nông thôn mới ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2022-2025<sup>(5)</sup>.

### 1.3. Về thương mại và dịch vụ

Thương mại, dịch vụ tiếp tục được phát triển và mở rộng; số lượng cơ sở kinh doanh ngành thương mại dịch vụ tăng 2,24%. Hoạt động của các siêu thị lớn (*Co.opmart, Vincom*) và hệ thống bán lẻ tại các chợ, cơ sở kinh doanh ngày càng phát triển, hàng hóa lưu thông trên thị trường đa dạng, phong phú về chủng loại, giá cả hàng hóa ổn định, chất lượng đảm bảo; Cuộc vận động “*Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam*” được duy trì thực hiện. Dịch vụ vận tải hành khách, hàng hóa, logistics duy trì đà tăng trưởng, đáp ứng đủ nhu cầu vận chuyển hành khách, hàng hóa và tiêu dùng, mua sắm online. Công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, nhất là trong các dịp lễ, tết được tăng cường, đảm bảo bình ổn giá cả phục vụ sản xuất và đời sống người dân. Trên địa bàn có 09 chi nhánh ngân hàng và 02 quỹ tín dụng hoạt động có hiệu quả, đảm bảo cung ứng vốn cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh.

Đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ trọng tâm về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, trong đó tập trung xây dựng các sản phẩm du lịch phù hợp; triển khai hiệu quả phương án kích cầu du lịch, đặc trong các dịp lễ, tết năm 2025. Hạ tầng du lịch và các hệ thống thương mại, dịch vụ hỗ trợ được đầu tư cơ bản<sup>(6)</sup>, cùng với việc triển khai và đưa vào hoạt động khu Phố đêm Đắk Bla, du lịch cộng đồng Kon Klor, khu ẩm thực đêm,... đã thu hút đông đảo người dân, du khách trong và ngoài tỉnh đến tham quan, trải nghiệm; lượng khách du lịch đến địa phương tăng bình quân hằng năm khoảng 4,18%.

### 1.4. Thu, chi ngân sách

Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2025 được cấp có thẩm quyền giao là 2.430 tỷ đồng, thực hiện đến nay đạt khoảng 56,2 tỷ đồng, ước thực hiện thu cả năm khoảng 1.087 tỷ đồng, đạt 44,75% dự toán được giao. Dự toán chi ngân sách địa phương năm 2025 được cấp có thẩm quyền giao 189,7 tỷ đồng, thực hiện đến nay đạt khoảng 18,724 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm khoảng 226,27 tỷ đồng, đạt 119,28% nhiệm vụ chi<sup>(7)</sup>.

Công tác phân bổ và đơn đốc giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công được chỉ đạo triển khai quyết liệt ngay từ đầu năm. Đã chỉ đạo thúc đẩy tiến độ, tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư, quyết định đầu tư, lựa chọn nhà thầu

<sup>(5)</sup> Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum (cũ).

<sup>(6)</sup> Như: Bảo tàng tỉnh; Rạp chiếu phim CGV Vincom; Chợ Trung tâm thương mại, 02 siêu thị (*Vincom, CoopMart*); 01 khách sạn đạt tiêu chuẩn 3 sao (*Khách sạn Indochine*), nhiều khách sạn 1-2 sao, homestay (*Xà Nu; Hoàng Vân; Hoàng Thịnh; Window; ...*); 02 công viên và vườn hoa lớn (*Công viên Trung tâm 2/9; Công viên Quảng trường 16/3*);...

<sup>(7)</sup> Chi vượt dự toán đầu năm gồm: (1) Dự kiến chi 30,62 tỷ đồng (*đề nghị ngân sách tỉnh bổ sung*) chi trả chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ; (2) chi đầu tư 3,94 tỷ đồng từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của địa phương.



các dự án, công trình và coi đây là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu của địa phương; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị với kết quả giải ngân. Tổng Kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 là 10,667 tỷ đồng (*trong đó nguồn ngân sách địa phương 3,95 tỷ đồng; nguồn cấp trên bổ sung có mục tiêu thực hiện các chương trình, dự án 6,717 tỷ đồng*), thực hiện giải ngân đến nay đạt khoảng 2,24 tỷ đồng, ước đến hết niên độ năm 2025 giải ngân khoảng 14,608 tỷ đồng, đạt 136,95% kế hoạch<sup>(8)</sup>.

### **1.5. Môi trường đầu tư, phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã, kinh tế tư nhân**

Công tác cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh được chỉ đạo thực hiện với mục tiêu tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, minh bạch, bình đẳng, năng lực cạnh tranh ngày càng cao nhằm thu hút tối đa, sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đến nay đã có 01 hợp tác xã đăng ký thành lập mới, nâng tổng số hợp tác xã trên địa bàn là 21 hợp tác xã với 276 thành viên và 322 lao động (*trong đó cán bộ quản lý hợp tác xã là 46 người*). Hiện có khoảng trên 1.714 hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh đang hoạt động sản xuất, kinh doanh, cung ứng sản phẩm, dịch vụ ổn định trên địa bàn phường<sup>(9)</sup>.

### **1.6. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu**

Hoạt động lập, trình duyệt các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn được chú trọng. Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất được thực hiện kịp thời, nhanh chóng. Công tác kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cơ bản có hiệu quả. Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng tại các dự án lớn, trọng điểm đảm bảo theo kế hoạch.

Công tác bảo vệ môi trường tiếp tục được quan tâm. Công tác cấp phép và quản lý khai thác tài nguyên, khoáng sản và môi trường đảm bảo quy định. Công tác kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ môi trường đối với một số cơ sở sản xuất trên địa bàn được tăng cường, thông tin phản ánh về môi trường được kiểm tra, xử lý kịp thời. Tài nguyên khoáng sản được quản lý chặt chẽ. Đã chỉ đạo triển khai công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2025 trên địa bàn; thường xuyên theo dõi diễn biến thời tiết, chủ động thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phòng, chống, ứng phó kịp thời, hiệu quả, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra.

## **2. Lĩnh vực văn hóa - xã hội**

### **2.1. Giáo dục và đào tạo**

<sup>(8)</sup> Chi vượt kế hoạch đầu năm gồm: Chi đầu tư 3,94 tỷ đồng từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của địa phương.

<sup>(9)</sup> Phường Quang Trung: 746 kinh doanh cá thể, 15 hộ kinh doanh vận tải; phường Thắng Lợi: 30 hộ kinh doanh; phường Thống Nhất 660 hộ kinh doanh; phường Trường Chinh: 263 hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh;...



Chỉ đạo ngành giáo dục triển khai thực hiện tốt kế hoạch dạy và học; công tác vận động, huy động học sinh ra lớp, duy trì đảm bảo sỹ số học sinh được thực hiện hiệu quả; đã chú trọng kết hợp dạy học văn hóa với tổ chức các hoạt động trải nghiệm nhằm giáo dục tình cảm, đạo đức, thể chất, kỹ năng sống cho học sinh; tăng cường công tác phụ đạo cho học sinh, đặc biệt là học sinh dân tộc thiểu số theo Đề án “*Nâng cao chất lượng giáo dục học sinh dân tộc thiểu số*”. Chất lượng giáo dục tiếp tục được nâng lên, kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, cấp tiểu học và trung học cơ sở được củng cố và nâng cao; cơ sở vật chất trường lớp tiếp tục được đầu tư, nâng cấp, từng bước xóa bỏ phòng học tạm, mượn gần với mục tiêu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Tính đến tháng 7 năm 2025, phường Kon Tum có 12/16 trường (*công lập*) đạt chuẩn quốc gia<sup>(10)</sup>, chiếm tỷ lệ 75%, hiện các trường tiếp tục triển khai các nhiệm vụ, giải pháp để xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia theo kế hoạch.

Thực hiện kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị, quản lý Nhà nước, các kiến thức về kỹ năng như giao tiếp, đạo đức công vụ cho cán bộ, công chức, viên chức để phục vụ tốt cho việc thực thi công vụ. Đến nay, tổng số cán bộ, công chức, viên chức phường có 76 người (*trong đó cán bộ, công chức 64 người; viên chức 12 người*). Về trình độ chuyên môn: Trên đại học 07 người; đại học 48 người; trung cấp 01 người. Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp, cử nhân 14 người; trung cấp 41 người; sơ cấp 07 người.

## **2.2. Y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân**

Dân số phường Kon Tum đến ngày 01 tháng 7 năm 2025 là 77.476 người, đã triển khai xây dựng các kế hoạch nhằm bảo đảm mọi người dân, nhất là nhóm dân số yếu thế đều được hưởng thành quả của phát triển kinh tế - xã hội và tiến tới thực hiện mục tiêu của Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 theo Quyết định số 771/QĐ-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Cơ cấu hệ thống y tế khá đồng bộ và phân bố hợp lý với 05 bệnh viện, trung tâm y tế tuyến tỉnh<sup>(11)</sup>, 02 bệnh viện tư nhân<sup>(12)</sup> và 05 trạm y tế đóng chân trên địa bàn. Triển khai tốt công tác khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân; thực hiện có hiệu quả các chương trình quốc gia về y tế cơ sở. Trong năm, các trạm y tế đã thực hiện đầy đủ các chương trình quốc gia về y tế như: Tiêm chủng mở rộng, khám và chăm sóc sức khỏe sinh sản, tổ chức tốt công tác khám, chữa bệnh và điều trị tại trạm y tế, bảo đảm công tác tiếp nhận và điều trị các bệnh thông thường tại cơ sở.

<sup>(10)</sup> Còn 04 trường chưa đạt chuẩn gồm: Tiểu học Nguyễn Văn Cừ; Tiểu học Phan Đình Phùng; Tiểu học Hoàng Văn Thụ; TH và THCS Trường Sa.

<sup>(11)</sup> Bệnh viện Đa khoa tỉnh (*hạng II*), Bệnh viện Y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng, Bệnh viện Quân y 24, Bệnh viện Tâm thần tỉnh Kon Tum, Trung tâm y tế thành phố.

<sup>(12)</sup> Bệnh viện tư nhân hạng III (*Bệnh viện Đa khoa Vạn Gia An*); Bệnh viện tư nhân chuyên khoa hạng III (*Bệnh viện Mắt Kon Tum*).



Công tác theo dõi tình hình dịch bệnh, tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn đặc biệt các bệnh: Tay chân miệng, sốt rét, sốt xuất huyết, đau mắt đỏ và các bệnh cúm A H1N1, H5N1, H7N9, thủy đậu, quai bị,... được thực hiện thường xuyên.

### **2.3. Lao động, thương binh và xã hội**

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên ước đạt 45.070 người, trong đó lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế 22.265 người. Tỷ lệ phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội trên tổng lực lượng lao động trong độ tuổi ước đạt 40%. Cơ cấu lao động tập trung chủ yếu ở lĩnh vực dịch vụ với tỷ trọng 68,5% cơ cấu lao động trong các ngành kinh tế. Số người tham gia BHXH bắt buộc đạt 15.786 người, số người tham gia BHXH tự nguyện đạt 1.730 người.

Thực hiện đầy đủ và kịp thời các chính sách cho người có công, chính sách an sinh xã hội. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, thôn, tổ dân phố triển khai thực hiện tốt việc quan tâm, chăm lo, tặng quà cho người có công, gia đình thương binh - Liệt sĩ trong dịp lễ, Tết; dịp kỷ niệm 78 năm Ngày thương binh liệt sĩ (27/7/1947-27/7/2025)<sup>(13)</sup>; nâng cấp, cải tạo Nhà bia tưởng niệm Liệt sĩ phường Kon Tum; chính sách an sinh xã hội, đảm bảo theo quy định. Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em tiếp tục được quan tâm<sup>(14)</sup>, công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ tiếp tục được đẩy mạnh; công tác tuyên truyền phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội được triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả. Trên địa bàn phường hiện có 595 đối tượng người có công cách mạng, 1.727 đối tượng bảo trợ xã hội.

Công tác an sinh xã hội được chú trọng, đã tạo điều kiện cho các hộ dân tham gia vay vốn để phát triển sản xuất, nâng cao sinh kế, giảm nghèo bền vững (có 2.818 hộ được vay vốn, với số vốn vay là 170,63 tỷ đồng; 100% hộ nghèo, cận nghèo được hưởng chế độ, chính sách theo quy định). Đến nay, tổng số hộ nghèo trên địa bàn phường có 45 hộ/157 khẩu, chiếm tỷ lệ 0,25% so với tổng số hộ dân toàn phường (trong đó có 31 hộ/116 khẩu nghèo dân tộc thiểu số, chiếm tỷ lệ 68,89% so với tổng số hộ nghèo). Tổng số hộ cận nghèo có 247 hộ/1.124 khẩu, chiếm tỷ lệ 1,35% so với tổng số hộ dân toàn phường (trong đó có 173 hộ/874 khẩu cận nghèo dân tộc thiểu số, chiếm tỷ lệ 70,04% so với tổng số hộ cận nghèo).

### **2.4. Văn hóa, thể thao; thông tin, truyền thông; khoa học và công nghệ**

Chỉ đạo triển khai thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền và triển khai các hoạt động văn hóa, thể thao chào mừng kỷ niệm các ngày lễ, các sự kiện chính trị, các chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và của địa phương.

<sup>(13)</sup> Quà của Phó Chủ tịch Quốc hội tặng cho 20 đối tượng mỗi suất trị giá 3 triệu đồng (gồm hiện vật và tiền mặt) với tổng số tiền 60 triệu đồng; quà của Ủy ban nhân dân phường từ nguồn Quỹ "Đền ơn đáp nghĩa" tặng cho 595 đối tượng (bằng tiền mặt) với tổng số tiền 1.013.000.000 đồng.

<sup>(14)</sup> Tặng 124 em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn với số tiền là 12.400.000 đồng. Hỗ trợ cho các thôn, tổ ngày 01/6 với số tiền là 36.500.000 đồng. Ủy ban nhân dân phường tặng cho 100 em có hoàn cảnh khó khăn với số tiền là 10 triệu đồng.



Công tác khôi phục, bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa, truyền thống của các dân tộc thiểu số, các di tích lịch sử cách mạng gắn với phát triển du lịch được triển khai có hiệu quả. Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao hiện có, đồng thời, xây dựng công trình văn hóa, thể thao, từng bước chăm lo đời sống văn hóa của Nhân dân gắn với việc xây dựng nông thôn mới. Phong trào *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”* được quan tâm, duy trì; qua đó 100% các phường trước sáp nhập đều có nhà văn hóa, tỷ lệ thôn, tổ dân phố văn hóa đạt 100%, tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 97%. Công tác quản lý các hoạt động thông tin, báo chí, hoạt động kinh doanh dịch vụ thuộc lĩnh vực văn hóa, thông tin và truyền thông được duy trì thực hiện thường xuyên.

Thực hiện đảm bảo các cơ chế, chính sách, pháp luật về khoa học và công nghệ. Tiếp tục đổi mới hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hướng công khai, minh bạch, khách quan; đơn giản hóa thủ tục, chế độ quản lý tài chính, thanh quyết toán; tạo thuận lợi cho các tổ chức, doanh nghiệp tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Thực hiện tốt công tác chuyển đổi số, tổ chức thực hiện triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng trong hoạt động cơ quan nhà nước, góp phần xây dựng chính quyền số của phường<sup>(15)</sup>. Tiếp tục duy trì vận hành sử dụng hiệu quả Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến, đảm bảo kết nối thông suốt điểm cầu trực tuyến của phường với các điểm cầu của Trung ương và Tỉnh.

### **3. Lĩnh vực nội chính, quốc phòng và an ninh**

#### ***3.1. Về cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước***

Ngay sau khi Hội đồng nhân dân phường quyết nghị thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Kon Tum<sup>(16)</sup>, Ủy ban nhân dân phường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động<sup>(17)</sup>, Quy chế phối hợp hoạt động giữa Trung tâm Phục vụ hành chính công với các cơ quan và các cơ quan và tổ chức, cá nhân trong giải quyết thủ tục hành chính<sup>(18)</sup>, đồng thời sớm hoàn thành việc bố trí trụ sở, trang thiết bị, nhân sự làm việc, triển khai ứng dụng các Hệ thống thông tin<sup>(19)</sup>, đảm bảo đưa vào vận hành Trung tâm Phục vụ hành chính công từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, đảm bảo phục vụ tốt nhất nhu cầu của người dân, doanh nghiệp. Từ khi đi vào hoạt động, Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Kon Tum đã đón tiếp khoảng 3.000 lượt người dân và doanh nghiệp đến thực hiện các thủ tục hành chính, tiếp nhận 290 hồ sơ trên các lĩnh vực, đã giải quyết 120 hồ sơ (*trong đó 100% số lượng hồ sơ được giải quyết sớm và đúng hạn*), đang giải quyết 170 hồ sơ.

<sup>(15)</sup> Hiện nay, phường có 01 Trang Thông tin điện tử, đã hoàn thành việc gắn nhãn tín nhiệm mạng; đồng thời đã phê duyệt hồ sơ cấp độ an toàn thông tin và phương án đảm bảo an toàn thông tin đối với Hệ thống thông tin mạng nội bộ; Đã triển khai mạng LAN và duy trì kết nối thường xuyên với mạng Truyền số liệu chuyên dùng.

<sup>(16)</sup> Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Kon Tum.

<sup>(17)</sup> Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường Kon Tum.

<sup>(18)</sup> Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường Kon Tum.

<sup>(19)</sup> Hệ thống quản lý văn bản và điều hành (VNPT-iOffice); Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính (VNPT-iGate); Hệ thống thư điện tử công vụ (@quangngai.gov.vn);...



Công tác sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân phường sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp được triển khai kịp thời, đảm bảo theo chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh. Đã trình Hội đồng nhân dân Phường quyết nghị thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban Nhân dân phường<sup>(20)</sup>, Ủy ban nhân dân phường đã ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức các cơ quan chuyên môn; đồng thời, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị ban hành quy chế, nội quy làm việc, phân công nhiệm vụ cụ thể cho cán bộ, công chức, viên chức,... để chính thức hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Tiếp tục chỉ đạo, triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nhằm cải thiện, nâng cao chỉ số cải cách hành chính, chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước, chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công. Tiếp tục triển khai số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến và giải quyết hồ sơ trực tuyến.

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện nghiêm túc có hiệu quả Phong trào thi đua đẩy mạnh công tác cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn giai đoạn 2023-2030; đẩy mạnh xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số. Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án 06 về phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030, đến nay đã cấp 66.699 căn cước công dân, định danh điện tử (VNeID) 43.684 trường hợp.

Kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ chuyển biến tích cực. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn đã được các cấp, ngành chú trọng thực hiện. Đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân đã được cơ quan có thẩm quyền thụ lý giải quyết theo đúng quy định pháp luật, góp phần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân. Thực hiện kiên quyết, kiên trì và đồng bộ các giải pháp phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Hoạt động thanh tra, kiểm tra được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, tránh các cuộc thanh tra, kiểm tra chồng chéo, trùng lặp về đối tượng.

### **3.2. Về quốc phòng, an ninh**

Triển khai đồng bộ các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh đảm bảo theo kế hoạch, duy trì trực sẵn sàng chiến đấu. Nâng cao chất lượng giáo dục quốc phòng, an ninh cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân, tuyên truyền vận động Nhân dân đề cao cảnh giác chống mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, xây dựng vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân, thể trận an ninh Nhân dân.

<sup>(20)</sup> Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Kon Tum về việc thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân phường Kon Tum.



Chú trọng xây dựng các lực lượng nòng cốt trong hệ thống chính trị, lực lượng công an, lực lượng dân quân. Xây dựng lực lượng dân quân phường đảm bảo số lượng, chất lượng, cử lực lượng tham gia huấn luyện chính trị, chiến thuật quân sự theo quy định. Lực lượng dự bị động viên và các phương tiện kỹ thuật được đăng ký quản lý chặt chẽ. Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ đảm bảo chất lượng chính trị, trình độ học vấn.

Chủ động nắm tình hình, tuyên truyền Nhân dân nâng cao cảnh giác với âm mưu “*diễn biến hòa bình*” và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, kịp thời phát hiện, xử lý các vụ việc liên quan đến an ninh chính trị, khiếu kiện, không để phát sinh điểm nóng, giữ vững ổn định chính trị. Đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm gắn với thực hiện phong trào “*Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*”; tăng cường tuần tra, tấn công trấn áp tội phạm. Thường xuyên tuyên truyền, thông tin về phương thức, thủ đoạn hoạt động của tội phạm; vận động Nhân dân nêu cao cảnh giác, chủ động quản lý tài sản, tích cực báo tin tố giác tội phạm. Thực hiện tốt các biện pháp kiểm chế giảm thiểu các vụ vi phạm giao thông đường bộ, qua đó đã hạn chế thấp nhất tình trạng vi phạm luật an toàn giao thông. Đã thành lập 48 tổ Bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở với 174 thành viên theo quy định và hoạt động có hiệu quả. Phường không có điểm nóng về an ninh chính trị.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Ưu điểm**

Trong 6 tháng đầu năm, các cấp, các ngành đã tập trung triển quyết liệt khai các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, đặc biệt trong thực hiện công tác chuẩn bị, sắp xếp, ổn định tổ chức bộ máy, tài chính, tài sản công, trụ sở,... các cơ quan, đơn vị ở địa phương để chính thức hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2025. Qua đó, tình hình kinh tế - xã hội tiếp tục ổn định, phát triển và đạt được nhiều kết quả trên nhiều lĩnh vực, thu ngân sách đảm bảo tiến độ, quyết liệt chỉ đạo đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công; các cây trồng chủ lực tiếp tục được chú trọng phát triển; tình hình dịch bệnh tương đối ổn định, kiểm soát tốt; phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa được đẩy mạnh; các giá trị văn hóa được bảo tồn, giữ gìn, phát huy; hoàn thành chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát; các chế độ, chính sách về an sinh xã hội và giảm nghèo được triển khai đầy đủ, kịp thời, đúng quy định; cơ sở vật chất giáo dục được quan tâm, đầu tư; tình hình dịch bệnh tương đối ổn định, kiểm soát tốt; cải cách thủ tục hành chính đạt được nhiều kết quả tích cực; kỷ luật, kỷ cương hành chính được chú trọng; quốc phòng, an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

#### **2. Hạn chế, khuyết điểm**

Phát triển kinh tế chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đồng bộ. Thu ngân sách trên địa bàn chưa đảm bảo tiến độ.



Đời sống của một bộ phận nhân dân còn gặp khó khăn, nhất là đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

Công tác quản lý, trật tự đô thị, đấu tranh phòng, chống tội phạm, nhất là tội phạm về ma túy, trộm cắp tài sản có lúc, có nơi chưa kịp thời.

### **3. Nguyên nhân**

Diễn biến tình hình thời tiết trong các tháng đầu năm 2025 nắng nóng và khô hạn, lượng mưa giảm ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất nông nghiệp; số thu từ nguồn thu các dự án khai thác quỹ đất chưa đạt tiến độ dự toán do thị trường bất động sản cả nước nói chung và địa bàn tỉnh, phường nói riêng trầm lắng; bên cạnh đó thực hiện cơ chế, chính sách miễn, giảm thuế của Quốc hội, Chính phủ đã ảnh hưởng đến số thu nộp ngân sách năm 2025.

Các cơ quan, đơn vị tập trung cho công tác sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

Một số cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức chưa thật sự chủ động, quyết liệt, sâu sát trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao. Công tác chỉ đạo điều hành ở một số thời điểm còn chưa quyết liệt, chưa kết hợp tốt giữa công tác giao việc với kiểm tra đôn đốc và xử lý trách nhiệm.

### **IV. Nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2025**

Để hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 ở mức cao nhất, trong 6 tháng cuối năm, các cơ quan, đơn vị phải phát huy hơn nữa vai trò, trách nhiệm của đơn vị mình trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao, nhất là vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội với quyết tâm chính trị cao nhất để phấn đấu đạt và vượt các chỉ tiêu năm 2025, trong đó, khắc phục có hiệu quả các hạn chế nêu trên, đồng thời tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

1. Triển khai thực hiện quyết liệt, có hiệu quả 04 nghị quyết “*bộ tứ trụ cột*” của Bộ Chính trị; các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, bảo đảm đạt mục tiêu tăng trưởng đề ra.

2. Tập trung xây dựng chương trình, kế hoạch để triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ phường, nhiệm kỳ 2025-2030; triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường kỳ họp chuyên đề tháng 7 năm 2025 các nội dung về phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách và đầu tư công trên địa bàn theo quy định của pháp luật. Hoàn thiện, trình cấp có thẩm quyền Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công năm 2026, giai đoạn 05 năm 2026-2030 và Kế hoạch tài chính 03 năm 2026-2028.



3. Tiếp tục kiểm tra, giám sát vận hành mô hình chính quyền địa phương mới, đặc biệt trong công tác vận hành Trung tâm Phục vụ hành chính công; kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc,... bảo đảm hoạt động thống nhất, thông suốt, hiệu quả. Đẩy mạnh cải cách hành chính trên tất cả các lĩnh vực gắn với chuyển đổi số; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính.

4. Tăng cường các giải pháp thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách nhà nước bảo đảm chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, phân đầu hoàn thành mức cao nhất dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2025 được giao.

5. Triển khai quyết liệt, hiệu quả các giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án đầu tư công; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, giám sát trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị với kết quả giải ngân vốn đầu tư công, phân đầu giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn được giao.

6. Nghiên cứu, rà soát, đề xuất điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch ngành, lĩnh vực theo yêu cầu phát triển và hướng dẫn của cơ quan cấp trên.

7. Thực hiện tốt công tác quản lý thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả, trong đó đẩy mạnh công tác triển khai cao điểm đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả và xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong tình hình mới.

8. Chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch sản xuất vụ mùa; tập trung xây dựng nông thôn mới gắn với phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và xây dựng sản phẩm đặc trưng của địa phương. Chủ động thực hiện hiệu quả kế hoạch phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2025.

9. Thực hiện tốt chính sách người có công, an sinh xã hội, công tác đền ơn đáp nghĩa; tăng cường kết nối cung - cầu lao động, hỗ trợ chuyển đổi nghề bền vững cho người lao động, tạo việc làm, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống Nhân dân. Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, nhất là hỗ trợ định canh, định cư, đất ở, đất sản xuất đối với dân tộc thiểu số và hộ nghèo.

10. Đẩy mạnh phát triển du lịch trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn, tập trung vào du lịch văn hóa, di tích lịch sử, du lịch cộng đồng; thực hiện tốt việc khôi phục, bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa, truyền thống của các dân tộc thiểu số, các di tích lịch sử cách mạng gắn với phát triển du lịch và tổ chức các ngày lễ lớn, sự kiện quan trọng.

11. Chỉ đạo chuẩn bị chu đáo và triển khai năm học 2025-2026 theo quy định; tiếp tục đổi mới phương pháp dạy và học, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

12. Nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh; thực hiện hiệu quả chương trình tiêm chủng mở rộng, khám và chăm sóc sức khỏe sinh sản, tổ chức



tốt công tác khám, chữa bệnh và điều trị tại trạm y tế; thực hiện tốt chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

13. Tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước trong hoạt động thanh tra; tổ chức thực hiện nghiêm túc các thông báo, kết luận kiểm tra, kiểm toán của các cấp, các ngành; thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, không để các vụ việc tiềm ẩn nguy cơ gây mất ổn định, ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội và công tác tổ chức đại hội các cấp.

14. Tăng cường phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực gắn với sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy; đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm; các giải pháp phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý hoạt động tin dụng đen trên địa bàn; đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, đảm bảo an toàn giao thông, bảo vệ môi trường và phòng, chống cháy, nổ, đuối nước. Thực hiện tốt công tác đối ngoại địa phương trong tình hình mới. Khám tuyển chọn và phối hợp giao quân đạt chỉ tiêu tỉnh giao. Chỉ đạo chuẩn bị nội dung trình kỳ họp Hội đồng nhân dân phường cuối năm 2025.

Ủy ban nhân dân phường kính trình Hội đồng nhân dân phường khóa I, Kỳ họp chuyên đề xem xét./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực Đảng ủy phường (b/c);
- Thường trực HĐND phường (b/c);
- Ủy ban MTTQ Việt Nam phường (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND phường;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND phường;
- Lưu: VT, UB.





**PHỤ LỤC**  
**CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI,**  
**QUỐC PHÒNG AN NINH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025**

(Kèm theo Báo cáo số 41/BC-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2025 của UBND phường Kon Tum)

| TT         | Chỉ tiêu                                                         | Đơn vị     | Năm 2025     |                  |              | So sánh                     |                            | Ghi chú |
|------------|------------------------------------------------------------------|------------|--------------|------------------|--------------|-----------------------------|----------------------------|---------|
|            |                                                                  |            | Kế hoạch     | ƯTH 6 tháng 2025 | ƯTH năm 2025 | ƯTH 6 tháng/<br>KH 2025 (%) | ƯTH cả năm/<br>KH 2025 (%) |         |
| <b>I</b>   | <b>CHỈ TIÊU KINH TẾ</b>                                          |            |              |                  |              |                             |                            |         |
| <b>1</b>   | <b>Thu ngân sách địa phương</b>                                  |            |              |                  |              |                             |                            |         |
| -          | Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn                         | Tỷ đồng    | 2.430        | 56,20            | 1.087        | 2,31                        | 44,75                      |         |
| +          | Trong đó thu nội địa                                             | Tỷ đồng    | 2.430        | 56,20            | 1.087        | 2,31                        | 44,75                      |         |
| <b>2</b>   | <b>Chi ngân sách địa phương</b>                                  |            |              |                  |              |                             |                            |         |
| -          | Tổng chi cân đối ngân sách địa phương                            | Tỷ đồng    | 190          | 18,72            | 226          | 9,87                        | 119,28                     |         |
| <b>3</b>   | <b>Về phát triển kinh tế tập thể</b>                             |            |              |                  |              |                             |                            |         |
| -          | Tổng số Hợp tác xã                                               | HTX        | 21           | 21               | 21           | 100,00                      | 100,00                     |         |
|            | Trong đó: Thành lập mới                                          | HTX        | 1            | 1                | 1            | 100,00                      | 100,00                     |         |
| -          | Tổng số xã viên hợp tác xã                                       | Người      | 276          | 276              | 276          | 100,00                      | 100,00                     |         |
| -          | Tổng số lao động trong hợp tác xã (gồm cán bộ và người lao động) | Người      | 322          | 322              | 322          | 100,00                      | 100,00                     |         |
| <b>4</b>   | <b>Nông nghiệp</b>                                               |            |              |                  |              |                             |                            |         |
| <b>4.1</b> | <b>Trồng trọt</b>                                                |            |              |                  |              |                             |                            |         |
| -          | Sản lượng lương thực cây có hạt                                  | Tấn        | 903          | 477              | 903          | 52,84                       | 100,00                     |         |
|            | Trong đó: + Thóc                                                 | Tấn        | 703          | 393              | 703          | 55,88                       | 100,00                     |         |
|            | + Ngô                                                            | Tấn        | 200          | 84               | 200          | 42,11                       | 100,00                     |         |
| -          | Lúa: Diện tích                                                   | Ha         | 133          | 75               | 134          | 56,39                       | 100,60                     |         |
|            | Năng suất                                                        | Tạ/ha      | 53           | 52               | 53           | 99,09                       | 100,00                     |         |
|            | Sản lượng                                                        | Tấn        | 703          | 393              | 703          | 55,88                       | 100,00                     |         |
| -          | Ngô: Diện tích                                                   | Ha         | 43           | 21               | 48           | 48,84                       | 111,63                     |         |
|            | Năng suất                                                        | Tạ/ha      | 46           | 40               | 46           | 86,22                       | 100,00                     |         |
|            | Sản lượng                                                        | Tấn        | 200          | 84               | 200          | 42,11                       | 100,00                     |         |
| -          | Đậu                                                              | Ha         | 4            | 3                | 4            | 75,00                       | 100,00                     |         |
| -          | Sắn                                                              | Ha         | 30           |                  | 29           | 0,00                        | 96,67                      |         |
| -          | Rau                                                              | Ha         | 226          | 118              | 235          | 52,21                       | 103,98                     |         |
| <b>4.2</b> | <b>Chăn nuôi</b>                                                 | <b>Con</b> | <b>3.498</b> | <b>3.318</b>     | <b>3.075</b> | <b>94,85</b>                | <b>87,91</b>               |         |
| +          | Đàn bò                                                           | Con        | 1.698        | 1.579            | 1.410        | 93,00                       | 83,04                      |         |
| +          | Đàn lợn                                                          | Con        | 1.800        | 1.739            | 1.665        | 96,60                       | 92,50                      |         |
| <b>4.3</b> | <b>Thủy sản</b>                                                  |            |              |                  |              |                             |                            |         |



| TT         | Chỉ tiêu                                                                                       | Đơn vị                | Năm 2025 |                  |              | So sánh                  |                         | Ghi chú |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------|------------------|--------------|--------------------------|-------------------------|---------|
|            |                                                                                                |                       | Kế hoạch | ƯTH 6 tháng 2025 | ƯTH năm 2025 | ƯTH 6 tháng/ KH 2025 (%) | ƯTH cả năm/ KH 2025 (%) |         |
| -          | Sản lượng thủy sản đánh bắt                                                                    | Tấn                   | 5        | 3                | 5            | 67,50                    | 100,00                  |         |
| <b>5</b>   | <b>Công nghiệp</b>                                                                             |                       |          |                  |              |                          |                         |         |
| -          | Xay xát lúa, màu                                                                               | Tấn                   | 20.500   | 2.128            | 3.800        | 10,38                    | 18,54                   |         |
| -          | Vải thổ cẩm dân tộc                                                                            | m2                    | 2.500    | 1.073            | 1.950        | 42,90                    | 78,00                   |         |
| -          | Tỷ lệ hộ sử dụng điện                                                                          | %                     | 100,00   | 100,00           | 100,00       | 100,00                   | 100,00                  |         |
| <b>6</b>   | <b>Du lịch</b>                                                                                 |                       |          |                  |              |                          |                         |         |
| -          | Tổng số khách                                                                                  | Lượt                  | 70.000   | 36.400           | 70.000       | 52,00                    | 100,00                  |         |
| <b>7</b>   | <b>Thôn (làng) nông thôn mới</b>                                                               | <b>Thôn</b>           | <b>2</b> | <b>2</b>         | <b>2</b>     | <b>100,00</b>            | <b>100,00</b>           |         |
| <b>II</b>  | <b>CHỈ TIÊU VĂN HÓA - XÃ HỘI</b>                                                               |                       |          |                  |              |                          |                         |         |
| 1          | Dân số trung bình                                                                              | Người                 | 73.152   | 77.476           | 77.698       | 105,91                   | 106,21                  |         |
| 2          | Mật độ dân số                                                                                  | Người/Km <sup>2</sup> | 3.822    | 4.048            | 4.059        | 105,91                   | 106,21                  |         |
| 3          | Số lao động có việc làm tăng thêm                                                              | Người                 | 180      | 200              | 220          | 111,11                   | 122,22                  |         |
| 4          | Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên                                                          | Người                 | 44.050   | 44.560           | 45.070       | 101,16                   | 102,32                  |         |
| 5          | Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc so với tổng dân số                             | %                     | 60,22    | 58,53            | 58,53        | 97,20                    | 97,20                   |         |
| 6          | Tỷ lệ lao động qua đào tạo                                                                     | %                     | 64,60    | 66,70            | 68,80        | 103,25                   | 106,50                  |         |
| 7          | Hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều                                                             | Hộ                    | 45       | 45               | 45           | 100,00                   | 100,00                  |         |
| 8          | Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều                                                       | %                     | 0,25     | 0,25             | 0,25         | 100,00                   | 100,00                  |         |
| -          | Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều                                              | %                     | 0,03     | 0,03             | 0,03         | 100,00                   | 100,00                  |         |
| 9          | Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia                                                                |                       |          |                  |              |                          |                         |         |
| -          | Mầm non                                                                                        | %                     | 100,00   | 100,00           | 100,00       | 100,00                   | 100,00                  |         |
| -          | Tiểu học                                                                                       | %                     | 62,50    | 62,50            | 62,50        | 100,00                   | 100,00                  |         |
| -          | Trung học cơ sở                                                                                | %                     | 75,00    | 75,00            | 75,00        | 100,00                   | 100,00                  |         |
| +          | Trường THCS                                                                                    | %                     | 100,00   | 100,00           | 100,00       | 100,00                   | 100,00                  |         |
| +          | Trường TH-THCS                                                                                 | %                     | 50,00    | 50,00            | 50,00        | 100,00                   | 100,00                  |         |
| 10         | Số giường bệnh/vận dân                                                                         | Giường                | 121      | 121              | 121          | 100,00                   | 100,00                  |         |
| 11         | Số bác sĩ/1 vận dân                                                                            | Người                 | 39       | 39               | 39           | 100,00                   | 100,00                  |         |
| 12         | Tỷ lệ người tham gia đóng bảo hiểm y tế toàn dân                                               | %                     | 91,00    | 97,00            | 97,00        | 106,59                   | 106,59                  |         |
| 13         | Tỷ lệ phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội trên tổng lực lượng lao động trong độ tuổi | %                     | 36,50    | 40,00            | 40,00        | 109,59                   | 109,59                  |         |
| <b>III</b> | <b>CHỈ TIÊU VỀ MÔI TRƯỜNG</b>                                                                  |                       |          |                  |              |                          |                         |         |
| 1          | Tỷ lệ dân số đô thị dùng nước sạch                                                             | %                     | 100,00   | 100,00           | 100,00       | 100,00                   | 100,00                  |         |



| TT        | Chi tiêu                                                                                                                    | Đơn vị | Năm 2025 |                  |              | So sánh                  |                         | Ghi chú |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|----------|------------------|--------------|--------------------------|-------------------------|---------|
|           |                                                                                                                             |        | Kế hoạch | ƯTH 6 tháng 2025 | ƯTH năm 2025 | ƯTH 6 tháng/ KH 2025 (%) | ƯTH cả năm/ KH 2025 (%) |         |
| 2         | Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước hợp vệ sinh                                                                       | %      | 100,00   | 100,00           | 100,00       | 100,00                   | 100,00                  |         |
| -         | <i>Trong đó: sử dụng nước sạch</i>                                                                                          | %      | 100,00   | 100,00           | 100,00       | 100,00                   | 100,00                  |         |
| <b>IV</b> | <b>CHỈ TIÊU QUỐC PHÒNG, AN NINH</b>                                                                                         |        |          |                  |              |                          |                         |         |
| 1         | Xây dựng xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng, an ninh                                                              | %      | 100,00   | 100,00           | 100,00       | 100,00                   | 100,00                  |         |
| 2         | Xây dựng khu dân cư, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh trật tự" hàng năm đạt ít nhất | %      | 100,00   | 100,00           | 100,00       | 100,00                   | 100,00                  |         |